

GIẢI PHÁP NÂNG CAO KỸ NĂNG GIAO TIẾP CHO SINH VIÊN NƯỚC NGOÀI HỌC TIẾNG VIỆT

Nguyễn Thị Thúy Hằng, Đặng Lê Tuyết Trinh, Hán Thị Thu Hiền

Khoa KHXH&VHDL – Trường Đại học Hùng Vương

Ngày nhận bài: 10/6/2019; Ngày sửa chữa: 28/8/2019; Ngày duyệt đăng: 04/9/2019

TÓM TẮT

Mục tiêu lớn nhất của dạy tiếng Việt cho người nước ngoài chính là dạy cho người học có thể giao tiếp tốt. Dựa trên quan điểm dạy học theo hướng giao tiếp, đặc biệt xuất phát từ thực trạng dạy học tiếng Việt trong giao tiếp của lưu học sinh nước ngoài đang học tập tại Trường Đại học Hùng Vương, bài viết đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả giao tiếp cho người học tiếng Việt nhằm thúc đẩy năng lực sáng tạo cũng như khả năng tiếp cận ngôn ngữ đích một cách nhanh nhất, khoa học nhất đối với các lưu học sinh (LHS) nước ngoài.

Từ khóa: Tiếng Việt, phương pháp, giao tiếp, kỹ năng giao tiếp, lưu học sinh nước ngoài.

1. Đặt vấn đề

Dạy tiếng Việt cho lưu học sinh nước ngoài là cả một vấn đề lớn đối với các giảng viên, các chuyên gia trong lĩnh vực này. Dạy tiếng Việt như thế nào để có thể đạt hiệu quả tốt nhất, để lưu học sinh (LHS) nước ngoài có thể tiếp cận và sử dụng tiếng Việt tốt nhất trong sinh hoạt, học tập và nghiên cứu tại Việt Nam? Tại các cơ sở giảng dạy tiếng Việt, các chuyên gia hàng đầu đều không thể phủ nhận: đích tới của dạy học tiếng Việt là sử dụng ngôn ngữ Việt trong mọi hoàn cảnh, song trước hết là dạy giao tiếp. Giao tiếp được coi là mấu chốt giải quyết mọi vấn đề cho LHS nước ngoài, từ sự thuận lợi trong ăn, ở, sinh hoạt đến việc tạo đà cho quá trình học tập và nghiên cứu. Tuy nhiên, thực tiễn giảng dạy, đào tạo tại một số trường đại học, cao đẳng hiện nay cho thấy, kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Việt không phải lúc nào cũng được lưu ý trong quá trình giảng dạy. Hoặc giả có được lưu ý thì cũng chưa hẳn được áp

dụng những phương pháp thích hợp trong dạy - luyện - rèn đối với LHS nước ngoài.

Xuất phát từ vai trò của vấn đề giao tiếp bằng tiếng Việt đối với LHS nước ngoài, xuất phát từ những đòi hỏi thực tiễn của lưu học sinh nước ngoài tại Đại học Hùng Vương, chúng tôi muốn tìm kiếm giải pháp tối ưu trong giảng dạy tiếng Việt, trao cho lưu học sinh nước ngoài thêm một cơ hội để sống và học tập tại Việt Nam tốt nhất có thể. Bởi vậy, nội dung của bài viết sẽ hướng đến đích: tìm giải pháp nâng cao kỹ năng giao tiếp cho lưu học sinh đang sống và học tập tại Đại học Hùng Vương (ĐHHV), mở rộng ra là các LHS đang sống và học tập tại các cơ sở giáo dục, dạy học tiếng Việt trong toàn quốc.

2. Phương pháp nghiên cứu

Hướng tới để xuất giải pháp nâng cao kỹ năng giao tiếp cho LHS nước ngoài, chúng

tôi vận dụng phối kết hợp các phương pháp sau:

- Phương pháp nghiên cứu lý thuyết (dạy tiếng Việt theo định hướng giao tiếp).

- Phương pháp điều tra, khảo sát: dùng để xác thực các nội dung thông tin về thực trạng dạy – học tiếng Việt tại Trường Đại học Hùng Vương của lưu học sinh nước ngoài.

- Phương pháp chuyên gia: dùng để tập hợp ý kiến chuyên gia về dạy học Tiếng Việt, đặc biệt là dạy giao tiếp bằng tiếng Việt cho người nước ngoài.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Cơ sở đề xuất các giải pháp

3.1.1. Quan điểm tiếp cận dạy học theo hướng giao tiếp

Giao tiếp có vai trò và chức năng rất quan trọng đối với mỗi cá nhân và xã hội, là điều kiện của sự tồn tại và phát triển xã hội. Trong đời sống, giao tiếp là điều kiện thỏa mãn nhu cầu, hình thành nhân cách con người. Hoạt động giao tiếp được tiến hành bằng nhiều phương tiện khác nhau (hệ thống tín hiệu, ký hiệu, các cử chỉ, hành động, ngôn ngữ cơ thể...), tuy nhiên ngôn ngữ là phương tiện giao tiếp tốt nhất. Các phương tiện giao tiếp khác chỉ mang tính bổ sung vào những điểm yếu của ngôn ngữ mà thôi.

Giao tiếp có thể diễn ra ở dạng nói hoặc dạng viết, tuy nhiên dạng nói là phổ biến và chủ yếu. Các cuộc thoại trong giao tiếp không giống nhau do đặc điểm của thoại trường, số lượng người tham gia, cương vị của những người tham gia hội thoại, ở tính có đích hay không có đích trong những cuộc thoại... Mỗi cuộc thoại được tạo ra cũng liên quan chặt chẽ đến vấn đề cấu trúc, cơ chế hoạt động của hội thoại, đó là sự trao lời và tranh lời. Hội thoại muốn có kết quả tốt phải

dựa trên những quy tắc nhất định trong hội thoại (luân phiên lượt lời, liên kết hội thoại, cộng tác hội thoại và tôn trọng thể diện). Những nguyên tắc hội thoại này chi phối và tác động mạnh mẽ tới quá trình hội thoại trong giao tiếp.

Để giao tiếp đạt hiệu quả cao cần có kỹ năng giao tiếp. Đó chính là năng lực, khả năng chuyên biệt của một cá nhân về một hoặc nhiều khía cạnh nào đó được sử dụng để giải quyết tình huống hoặc công việc phát sinh trong cuộc sống. Nó đồng thời là sản phẩm của một quá trình rèn luyện, học tập. Năng lực giao tiếp vượt trội, theo Saville - Troike, được xuất phát từ nền tảng kiến thức ngôn ngữ, kỹ năng tương tác, kiến thức văn hóa (người viết nhấn mạnh). Ba yếu tố nói trên phụ thuộc vào quá trình tích lũy, là kết quả quá trình rèn luyện lâu dài của mỗi cá nhân.

Tiếp cận dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ, định hướng dạy học giao tiếp được nhấn mạnh. Theo đó, giáo viên (GV) chú trọng phương pháp giao tiếp, hướng tới khả năng ứng dụng luật ngữ pháp để hình thành câu đúng, biết sử dụng nó đúng lúc, đúng nơi, đúng đối tượng, đồng thời thỏa mãn được ba yêu cầu: trôi chảy (fluency), chính xác (accuracy), và phù hợp (appropriacy). Với phương pháp này, người học luôn đóng vai trò làm trung tâm. Giáo viên thường thiết kế chương trình dựa trên việc phân tích nhu cầu của người học. Các hoạt động trên lớp gắn liền với việc sử dụng tiếng, thông qua đó, học viên nắm thành thạo các chiến lược giao tiếp như: biết hỏi lại khi chưa rõ vấn đề, biết yêu cầu nhắc lại, biết đàm phán thông tin, biết “đưa đẩy” khi nói chuyện một cách tự nhiên v.v. Người học học tiếng bằng sử dụng tiếng qua các hoạt động giao tiếp chứ không nghe giáo viên giảng giải về tiếng đang học; các kỹ năng như nghe, nói, đọc, viết được tiến hành đan xen chứ không tách

biệt. Học tiếng thực sự là quá trình sáng tạo, chấp nhận mắc lỗi. Ngữ liệu giảng dạy được lấy từ cuộc sống chứ không phải được các soạn giả viết ra nhằm mục tiêu sử dụng duy nhất trên lớp học. Điều đó cũng có nghĩa là học viên có khả năng làm được những việc cụ thể như điền đơn, viết đơn, biết thỉnh cầu, biết xin lỗi trong những tình huống thực tế.

3.1.2. Đặc điểm đối tượng học tiếng Việt tại Trường Đại học Hùng Vương (ĐHHV)

Hiện tại trường ĐHHV đào tạo hai đối tượng chính: LHS Lào và Trung Quốc. LHS Lào học tại trường khá đông (hơn 200). Trong đó, đối tượng LHS học tiếng Việt năm thứ nhất là 54 học viên. Đa số học sinh đến từ 3 tỉnh: Luông Nậm Thà, Phong Sa Ly và U Đôm Xay. Đặc điểm (về lứa tuổi, khả năng nhận thức, vốn từ Tiếng Việt ...) của LHS Lào đa dạng:

- Về lứa tuổi, lưu học sinh Lào đa số ở lứa tuổi mới tốt nghiệp THPT. Còn lại một số đang là công chức, viên chức nhà nước. Trong đó, có cán bộ nằm trong độ tuổi 30 - trên 40 tuổi.

- Khả năng nhận thức của lưu học sinh Lào: 40% loại khá - tốt, 40% loại trung bình, 20% nhận thức chưa thực sự nhanh nhạy.

- Vốn từ tiếng Việt: 99% chưa biết tiếng Việt; 1% biết sơ qua về tiếng Việt do tự học hoặc được học ở trường phổ thông vùng cao (một tiếng trong một tuần). Như vậy có thể nhận định: lưu học sinh Lào sang Việt Nam học tiếng Việt đa phần ở trong tình trạng chưa biết gì về tiếng Việt.

Theo ký kết hợp tác đào tạo, hàng năm, sinh viên Trung Quốc (Khoa Tiếng Việt của Học viện Hồng Hà và Học viện Quảng Tây) được gửi sang học tiếng Việt 01 năm (số giao động từ 15 đến 30 LHS). Năm học 2018 - 2019, trường ĐHHV đón 16 sinh viên của Học viện Hồng Hà và Học

viện Quảng Tây Trung Quốc. Số sinh viên này đăng ký học theo chương trình tiếng Việt 01 năm tại trường ĐHHV. Không giống sinh viên Lào, về lứa tuổi, lưu học sinh Trung Quốc đa số ở lứa tuổi 17-20. Vì vậy, khả năng nhận thức khá đồng đều theo tỷ lệ 60% loại khá - tốt; 40% loại trung bình. Trong đó có một số ít nhận thức chưa thực sự nhanh nhạy, lỗi về phát âm khá nặng do các LHS Trung Quốc bị ảnh hưởng bởi đặc thù thói quen ngôn ngữ Hán. Xét về vốn tiếng Việt, tất cả các em mới được học tiếng Việt trong một tháng trước khi sang Việt Nam. Đa số các em mới chỉ được học phát âm các chữ cái tiếng Việt. Như vậy có thể nhận định: lưu học sinh Trung Quốc sang Việt Nam học tiếng Việt đa phần ở trong tình trạng mới được giới thiệu về chữ cái và cách phát âm các chữ cái tiếng Việt.

3.1.3. Hoạt động dạy học tiếng Việt cho sinh viên nước ngoài tại Trường ĐHHV

3.1.3.1. Chương trình, giáo trình dạy học

Về mặt chương trình: Hiện tại, Trường Đại học Hùng Vương có hai chương trình đào tạo đối với sinh viên hai nước (do đối tượng học và yêu cầu chương trình học khác nhau). Với LHS Lào, học tiếng Việt là nền tảng để tiếp tục học các chuyên ngành đại học tại Việt Nam. Còn LHS Trung Quốc vốn dĩ là các sinh viên khoa Tiếng Việt của Học viện Hồng Hà và Quảng Tây, bởi vậy, học tiếng Việt buộc phải theo chương trình yêu cầu của Học viện bạn. Chương trình Tiếng Việt cho sinh viên Lào được tiến hành với tổng số 950 tiết. Chương trình tiếng Việt cho LHS Trung Quốc có tổng số 828 tiết. Cả hai chương trình đều do Bộ môn Ngữ văn Trường Đại học Hùng Vương xây dựng dựa trên thỏa thuận hợp tác và mục tiêu hướng tới trong đào tạo của cả hai đối tượng.

Về giáo trình: Đại học Hùng Vương sử dụng nhiều bộ giáo trình trong dạy học tiếng Việt. Do đặc thù hai đối tượng khác nhau, chương trình khác nhau nên khối lượng và đầu giáo trình đối với LHS Lào và Trung Quốc cũng khác nhau. Bên cạnh việc chọn lọc vận dụng các giáo trình được phát hành trên toàn quốc, trong quá trình giảng dạy, bộ môn còn tự biên soạn giáo trình, bài giảng bổ sung nhằm thực hiện tốt nhất mục tiêu giảng dạy. Như vậy, ưu điểm của giáo trình được sử dụng ở đây là tính chính thống, tính mô phạm, tính chính xác (với các giáo trình phát hành trên toàn quốc đã qua kiểm duyệt chặt chẽ từ nhà xuất bản, được kiểm nghiệm, sàng lọc qua thời gian). Các bài giảng được soạn giảng bổ sung cũng hướng tới mục tiêu nhấn mạnh vào các năng lực sẵn có của LHS, khắc phục những hạn chế của các em (theo từng lứa). Tuy nhiên, không phải không có nhược điểm từ chính thực tế này. Việc sử dụng quá nhiều giáo trình giảng dạy đôi khi dẫn đến rối, không rõ mục tiêu. Các bài soạn bổ sung cũng không được kiểm duyệt và lưu hành chính thống (vì mang tính kinh nghiệm cá nhân).

3.1.3.2. Vấn đề giảng dạy và học tập

Dạy và học luôn đi đôi với nhau, có giá trị song hành và tương hỗ bởi đây chính là hai mặt của một quá trình. Trước hết xin được nói về việc dạy tiếng Việt ở Đại học Hùng Vương. Thời gian giảng dạy đa số diễn ra trong lớp học. Thời lượng 5 ngày/tuần, mỗi ngày 6 - 7 tiết, được chia làm hai buổi. Việc thực hành giảng dạy cũng gắn với lớp học. Trong hai năm gần đây, bộ môn Ngữ văn đã liên tục thay đổi nhằm nâng cao hiệu quả giảng dạy, đặc biệt là hiệu quả giao tiếp. Cụ thể: với mỗi học phần, GV xác định mục tiêu kỹ năng rất rõ. Học phần được lưu ý phát triển kỹ năng giao tiếp chính là học phần Hội thoại tiếng Việt. Trong học phần này, những giờ dạy lý thuyết liên tục được

gắn với thực hành: thực hành lập hội thoại, thực hành rèn đọc kể, thực hành trải nghiệm tham gia sự kiện, lễ hội địa phương...; hình thức thi cũng được thay đổi, hướng tới vấn đáp toàn bộ theo định dạng đề thi nói của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Dành cho khung năng lực 6 bậc). Chỉ có điều sự vận dụng và phát huy ý nghĩa cũng như giá trị của thực hành giao tiếp không phải khi nào cũng trở thành một hành động dạy mang tính tự giác và triệt để. Và hình thức thực tế để tăng cường giao tiếp chưa thực sự phong phú. Đó chính là hạn chế cần khắc phục.

Về việc học, LHS chưa thực sự tự giác và sáng tạo trong giao tiếp. Mới sang Việt Nam, các em cơ bản chưa mạnh dạn, trong đó nguyên nhân lớn nhất là hạn chế về tiếng Việt. Khi học, các em vẫn thiếu tự tin do sợ sai và xấu hổ. Hạn chế này dẫn đến việc LHS không dám kết bạn, không giao tiếp bằng tiếng Việt, khép kín bản thân sau giờ học. Bởi vậy, LHS không thể sử dụng tốt nhất tiếng Việt trong giao tiếp. Xét trên phương diện này, mục tiêu tăng cường giao tiếp, nâng cao kỹ năng giao tiếp cho LHS đã không đạt, thậm chí có thể nói là thất bại.

3.3. Đề xuất giải pháp nâng cao kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Việt cho lưu học sinh nước ngoài

Xuất phát từ cơ sở lý luận và thực tiễn, xuất phát từ thực trạng dạy học, chúng tôi đã hướng tới các nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả dạy học tiếng Việt, trong đó có kỹ năng giao tiếp. Trong khuôn khổ này, chúng tôi quan tâm đến các nhóm giải pháp nhằm phát triển kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Việt cho lưu học sinh nước ngoài. Cụ thể là: Nhóm giải pháp vận dụng kỹ thuật dạy học vào giờ dạy; nhóm giải pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm; nhóm giải pháp đổi mới chủ đề dạy học.

3.3.1. Nhóm giải pháp vận dụng kỹ thuật dạy học vào giờ dạy

3.3.1.1. Tạo nhóm học tập

Đây là giải pháp tạo được hiệu quả giao tiếp tiếng Việt với tính thực tiễn cao. Nhóm học tập được tạo trên cơ sở lớp học của LHS. Mục tiêu của nhóm chính là tạo ra sự thi đua cần thiết, sự “kích thích” kịp thời đối với việc học.

Hình thức nhóm khá đơn giản. GV trực tiếp phụ trách lớp (hoặc giảng dạy) tách nhóm sau khi các em bắt đầu chương trình khoảng một tuần. Một tuần là khoảng thời gian cần để GV hiểu năng lực của trò và giữa các trò cũng có sự thân quen tối thiểu. Phân nhóm phải dựa trên năng lực để LHS có cơ hội cộng tác và giúp đỡ nhau. Bởi vậy, trong nhóm, GV cần lưu ý phân bổ có LHS nhận thức khá tốt, nhanh nhẹn, bạo dạn với LHS còn chưa mạnh dạn, rụt rè trong giao tiếp.

Giải pháp tạo nhóm học tập cũng là cách thức giúp sinh viên nước ngoài nhận được sự hỗ trợ của sinh viên Việt Nam một cách tối ưu nhất. Tại các cơ sở dạy tiếng Việt, nhất là trong các trường đại học, GV nên thành lập câu lạc bộ học tập, trong đó có câu lạc bộ dạy tiếng Việt cho LHS nước ngoài. Sinh viên được tuyển vào câu lạc bộ cần lựa chọn đối tượng khá, giỏi về ngôn ngữ, năng động, linh hoạt, có kỹ năng giao tiếp tốt và tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình. Câu lạc bộ này sẽ hỗ trợ đặc lực cho LHS. Để hoạt động này hiệu quả, có thể phân nhóm các thành viên trong CLB trực tiếp phụ trách từng nhóm LHS nước ngoài.

3.3.1.2. Luyện đọc, kể diễn cảm

Đọc kể diễn cảm thông thường được áp dụng ít nhất đối với đoạn văn, sau đó là những truyện ngắn nhiều lời thoại, nội dung đơn giản, không trừu tượng. Lý do chọn truyện nhiều lời thoại được gắn với

chủ đích luyện ngữ điệu của nhân vật và hóa thân nhân vật trong tình huống cụ thể - tình huống truyện.

Có ý kiến cho rằng, luyện đọc kể diễn cảm thật sự khó đối với LHS, vì “đến người Việt kể diễn cảm còn khó, huống chi...”. Tuy nhiên, quan điểm của chúng tôi là: học nói gắn với tình huống thì không thể chỉ học đọc đúng, nói đúng. Mà thực tế muôn hình vạn trạng, lời nói biến hóa trong tình huống, nặng về khẩu ngữ hơn nhiều về ngữ pháp. Các yếu tố đưa đẩy, các yếu tố phi ngôn ngữ luôn cặp cùng trong mọi cuộc thoại. Bởi vậy, nếu chỉ lưu ý đến những cuộc thoại mang tính form mẫu thì sẽ bỏ qua yêu cầu thực tiễn, khiến người học sẽ vô cùng lúng túng khi tiếp cận thực tế.

Một trong những hạn chế của giao tiếp đối với LHS là hay xấu hổ, không sử dụng được các hành động phi ngôn ngữ đính kèm, cứng trong giao tiếp. Việc đưa người học vào tình huống truyện sẽ tạo được cảnh huống tự nhiên. Đây chính là cơ hội để các bạn sinh viên hoạt động nhóm và sửa lỗi cho nhau trong phát âm và cao hơn là nói, kể một cách diễn cảm.

Lưu ý: đoạn văn hoặc truyện chọn để đọc kể diễn cảm không nên quá dài, nội dung không nên quá khó. Thể loại truyện hướng đến có thể là truyện dân gian hoặc truyện hiện đại có nội dung hài hước dí dỏm hoặc có các chi tiết biểu lộ xúc cảm. Đó là các nhân tố để người học có thể thể hiện giọng theo cảnh huống tốt nhất. Riêng đối với đoạn văn thì nên chọn đa dạng phong cách ngôn ngữ để luyện cho LHS cách thể hiện giọng đối với nhiều loại hình văn bản.

3.3.2. Nhóm giải pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm

3.3.2.1. Trải nghiệm văn hóa

Học giao tiếp tiếng Việt qua trải nghiệm văn hóa là một cách học rất hữu dụng. Hiểu một cách đơn giản nhất, trải nghiệm là trải

qua một việc cụ thể, từ đó rút ra kinh nghiệm thực tiễn. Dạy học giao tiếp qua trải nghiệm là đưa người học vào môi trường thực tiễn, học trực tiếp từ thực tiễn và tự rút ra cách trao đáp với người bản xứ. Khổng Tử từng nói: những gì tôi nghe, tôi sẽ quên; những gì tôi thấy, tôi sẽ nhớ; những gì tôi làm, tôi sẽ hiểu. Như vậy, việc học tập từ thực tế chính là những tư tưởng đầu tiên của giáo dục trải nghiệm. Đặc biệt, dạy giao tiếp thì càng cần các hoạt động nói trên. Tuy nhiên, cũng cần có chủ hướng trong dạy giao tiếp tiếng Việt.

Trước hết, cần có nhiều loại hình trong dạy trải nghiệm, từ đơn giản, dễ thực hiện đến chỗ “cầu kỳ” hơn. Cụ thể:

* Học đan xen bài học trên lớp

Là cách học đi đôi “hành” tại chỗ. Ví dụ: học về “chào hỏi”, “làm quen”, “hỏi thăm sức khỏe”... cô và trò liên tục thực hiện các hoạt động trao đáp với mục đích chào hỏi tại lớp học. Song để thay đổi không khí, GV có thể đưa sinh viên (SV) vào môi trường thực hành trực tiếp:

- Tìm hiểu, làm quen với các thầy cô trong môi trường giảng dạy; tìm hiểu kết bạn với các bạn sinh viên Việt.

- Ăn sáng, cafe, tán gẫu (chuyện phiếm) cùng người Việt (Môi trường phải do GV thiết kế, tránh những nơi ô hợp, khó thực hiện mục đích).

* Đọc sách cùng người Việt

Tách nhóm LHS, giao phụ trách cho SV tình nguyện. Lựa chọn những tờ báo phù hợp lứa tuổi hoặc những câu chuyện đơn giản nhưng giàu ý nghĩa văn hóa (như Truyền thuyết Hùng Vương). Hoạt động này cần được tăng cường khâu hỏi đáp từ chính những nội dung đã đọc hoặc được hướng dẫn đọc, nếu không sẽ vô cùng hình thức. Đối tượng đọc được sách phải sau 3 tháng

học tiếng Việt vì việc đọc sách liên quan đến số lượng từ vựng tối thiểu LHS được tích lũy.

* Mua sắm cùng người Việt

Mua sắm là hoạt động gắn bó với một chủ đề chính trong quá trình dạy học. Đây cũng là hoạt động gắn liền với sinh hoạt hàng ngày của LHS. Bên cạnh thực hiện các hội thoại đơn giản trên lớp cũng như các mẫu câu, GV nên tổ chức một vài buổi cho các em đi mua sắm. Lưu ý: cần thảo luận về mục tiêu buổi trải nghiệm (thực hành quan sát và mua sắm); đưa ra những yêu cầu của buổi trải nghiệm (thời gian, phương tiện, máy ảnh, an toàn cho chuyến đi; bài tập phải hoàn thiện sau chuyến trải nghiệm)... Để thực hiện được việc mua sắm mà không quá bỡ ngỡ, GV cần tách nhóm 5 người/nhóm, mỗi nhóm có 1 sinh viên Việt Nam phụ trách.

* Tham gia sự kiện cùng người Việt

Các sự kiện nên được quan tâm ngay trong môi trường học. Đó là các ngày lễ lớn (ngày 20/11; ngày 8/3; ngày tết cổ truyền; ngày giỗ Tổ...); ngày trường tổ chức sự kiện (hội nghị, hội thảo, sự kiện tuyển sinh, ngày hội việc làm)... Với tất cả những ngày này, sinh viên nước ngoài được tham gia sẽ có cơ hội giao tiếp và học hỏi. Vẫn phải lưu ý rằng, các em phải được tham gia trực tiếp chứ không phải là nhìn ngắm. Vì vậy, cần lựa chọn nội dung phù hợp. Ví dụ: ngày 20/11, các em sẽ được giao đọc, tìm hiểu về chủ đề Ngày nhà giáo Việt Nam, sau đó sẽ tọa đàm cùng sinh viên Việt, có trao đổi về văn hóa tôn sư trọng đạo của chính nước mình. Hoạt động này hướng tới rèn kỹ năng trao đổi trình bày một vấn đề cho nhóm sinh viên có nhận thức khá trở lên.

GV dạy tiếng Việt cũng có thể lưu ý cho LHS tham gia vào khâu chuẩn bị tổ chức sự kiện. Ví dụ: tổ chức tiệc trà, team building... Sẽ khó khăn nếu chỉ đưa ra đầu việc, GV phải hướng dẫn chi tiết theo kế hoạch. Khâu

tổ chức tiệc trà có thể kết hợp với buổi trải nghiệm đi mua sắm. LHS sẽ hứng thú khi tự mình vừa đi chợ lại vừa trình bày và thể hiện sản phẩm trong hội thảo, hội nghị.

* Du lịch cùng người Việt, trải nghiệm tại các làng nghề, các địa điểm văn hóa (đền, đình, chùa...) tại địa phương.

Trải nghiệm văn hóa tại các không gian làng nghề, đền, đình... ở địa phương cũng là một hoạt động phục vụ đặc lực cho nâng cao kỹ năng giao tiếp. Để hoạt động này hiệu quả, cần có khâu chuẩn bị tốt. Cụ thể:

- LHS được đọc, học về các địa điểm sắp được trải nghiệm.
- LHS được trao đổi về yêu cầu của buổi trải nghiệm.
- LHS được hỗ trợ về phương tiện di chuyển.

3.3.2.2. Trải nghiệm với giờ học tiếng Việt của học sinh tiểu học

Học tiếng Việt đối với LHS chính là sự khởi đầu. Nếu so sánh hoạt động học tiếng Việt của LHS với học sinh tiểu học ở Việt Nam thoát đầu có vẻ khập khiễng, tuy nhiên, rất nhiều nét tương đồng giữa hai đối tượng này, đặc biệt là đối tượng học sinh lớp 1 học tiếng Việt. Gắn với mục tiêu chủ yếu của môn Tiếng Việt lớp 1 hiện nay (chú trọng dạy chữ trên cơ sở dạy âm, dạy âm là để dạy chữ) và quan điểm dạy học tiếng Việt lớp 1 (quan điểm dạy giao tiếp, luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết để học tập và giao tiếp trong môi trường hoạt động của lứa tuổi) chúng ta nhận thấy việc tổ chức trải nghiệm với giờ học tiếng Việt của học sinh tiểu học - nhất là lớp 1 vô cùng hữu ích. Có thể tổ chức cho LHS trải nghiệm với giờ học tiếng Việt của tiểu học từ tuần thứ 2 học tiếng, bước đầu là quan sát, sau đó có thể cho tạo môi trường cho LHS trực tiếp tham gia hoạt động này theo nhóm nhỏ, gắn với chủ đề học tiếng

Việt của học sinh tiểu học (phát âm, sử dụng nghi thức lời nói, đặt câu hỏi và trả lời, thuật sự việc - kể chuyện, thuyết trình).

3.3.3. Nhóm giải pháp đổi mới chủ đề

3.3.3.1. Xây dựng tình huống, thiết lập hội thoại

Dựa trên nguyên tắc, cấu trúc hội thoại, căn cứ phương pháp tiếp trong tiếng Việt, chúng tôi nhận thức rõ, dạy học kỹ năng giao tiếp không thể dựa trên những lý thuyết thuần túy. Bởi vậy, việc xây dựng các tình huống, yêu cầu SV thiết lập hội thoại thực hành trong tình huống là vô cùng cần thiết. Việc xây dựng tình huống cần được gắn với chủ đề dạy học. Ví dụ: với chủ đề sử dụng điện thoại trong giao tiếp, GV trước hết cần đưa ra những hội thoại sẵn có (ngữ liệu) để SV thực hành mẫu. Ngữ liệu sẽ liên quan đến: chào hỏi khi gọi điện; trình bày nội dung cần trao đổi (hỏi thăm sức khỏe, công việc, gia đình, đề nghị, yêu cầu...). Thực hành hội thoại cần được tập rèn nhiều lần, thật sự nhuần nhuyễn, đạt được bước đầu những yếu tố cần có về ngữ điệu, nắm được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản để có tiền đề vận dụng cho phần tiếp theo: thiết lập hội thoại dựa trên tình huống gợi dẫn của GV.

Xây dựng tình huống được hiểu là các tình huống gắn với chủ đề đang giảng dạy. Tình huống thường do GV cung cấp, trên cơ sở đó yêu cầu SV thiết lập hội thoại tương ứng. Ví dụ: Vấn với chủ đề sử dụng điện thoại trong giao tiếp, GV hoàn toàn có thể đưa ra các tình huống:

- Gọi điện để hỏi thăm sức khỏe của bố mẹ.
- Muốn xin số điện thoại của một bạn gái mới quen, bạn sẽ nói gì để đạt kết quả mong muốn?
- Muốn gọi taxi đi siêu thị, nhưng bạn không biết số điện thoại của hãng taxi, bạn sẽ làm thế nào?

- Bạn không đến dự sinh nhật bạn thân theo lời mời. Bạn rất áy náy. lập hội thoại gọi điện cho bạn trong tình huống này để xin lỗi.

`- Bạn rất muốn mời bạn gái đi xem phim nhưng không thể trực tiếp gặp mặt. Bạn gọi điện thoại cho người ấy như thế nào?

- Bạn muốn xin được nhập học một lớp bồi dưỡng nâng cao về tiếng Việt, hãy gọi điện để xin hẹn gặp thầy/cô bạn muốn mời họ dạy...

Tùy mức độ khó dễ của hội thoại, tùy mức độ nhận thức của từng đối tượng, GV có thể yêu cầu lập hội thoại gồm bao nhiêu lượt lời và đa dạng hóa nội dung thông tin trong hội thoại.

3.3.3.2. Đóng vai theo chủ đề

Bản chất của đóng vai theo chủ đề là giải pháp “làm mới” chủ đề đã có bằng hình thức cho SV hóa thân vào cái vai nhân vật khác nhau, thực hành giao tiếp trong cảnh huống cụ thể, đúng với vai nhân vật theo chủ đề. Ví dụ: chủ đề khám bệnh sẽ có các vai: bác sĩ, y tá, bệnh nhân, hộ lý...; chủ đề dạy học sẽ có GV, HS; chủ đề gia đình sẽ có ông, bà, bố, mẹ, con...; chủ đề mua sắm sẽ có người bán, người mua; chủ đề ăn uống sẽ có người bán hàng, khách ăn, uống; chủ đề nấu ăn sẽ có người nấu, người giúp việc...; chủ đề sinh nhật sẽ có người tổ chức sinh nhật, người được mừng sinh nhật, người được mời đến sinh nhật... Tương tự như vậy với các chủ đề khác. Với phương pháp này, GV trước hết làm giàu hóa vốn từ cho người học, từ đó đưa người học vào cảnh huống giả định để phát triển kỹ năng giao tiếp. Đóng vai theo chủ đề được coi là tiền đề trước khi LHS được trải nghiệm thực tế, phục vụ thiết thực cho những sinh hoạt hữu ích hàng ngày.

Để thực hiện trò chơi đóng vai theo chủ đề, trước hết cần cung cấp vốn từ cho người

học về chủ đề kèm yêu cầu cá nhân hệ thống vốn từ.

Chuẩn hóa từ (phát âm, nghĩa)

Hướng dẫn thực hiện

Ví dụ: Chủ đề Đến bệnh viện

Bước 1: Cung cấp và mở rộng vốn từ

Việc này cả GV và LHS cùng thực hiện. GV đưa ra chủ đề, yêu cầu LHS mỗi bạn cung cấp 3 từ liên quan đến bệnh viện. Các từ thường gặp: liên quan đến con người (bác sĩ, y tá, hộ lý, bệnh nhân,...); liên quan đến địa điểm khám (bệnh viện, nơi đón tiếp bệnh nhân, phòng khám, phòng chờ, sơ đồ, chỉ dẫn,...); liên quan đến bệnh tật (bệnh tim, bệnh phổi, bệnh khớp, bệnh đau dạ dày, bệnh viêm phế quản...); liên quan đến triệu chứng (đau đầu, chóng mặt, hoa mắt, sổ mũi, nhức răng, đau bụng, đau chân, đau gối, buồn nôn, sốt, tiêu chảy...); liên quan đến tên gọi các phòng khám (phòng siêu âm; phòng chụp X - quang; phòng khám nội; phòng khám ngoại); liên quan đến giao tiếp (chào, hỏi, hỏi thăm đường đến phòng khám; kể về tình trạng biểu hiện bệnh,...); liên quan đến điều trị (thuốc, đơn thuốc, tiêm, truyền,...); thành ngữ, quán ngữ hay dùng: thuốc đắng dã tật...

Bước 2: Chuẩn hóa vốn từ

GV phát âm mẫu và chuẩn hóa phát âm cho LHS. Đồng thời, giải thích nghĩa từ, giúp người học hiểu cách sử dụng từ trong ngữ cảnh.

Bước 3: Cung cấp mẫu câu, luyện đặt câu theo mẫu

Đây là hoạt động thực sự cần. Bởi vốn từ cần được sử dụng trong ngữ cảnh. Các mẫu câu sẽ cung cấp cho người học cách giao tiếp sơ giản nhất và ứng phó nhất định trong tình huống. Một số mẫu câu có thể là:

- Mẫu câu với các từ bị, được:

Tôi bị đau bụng/buồn nôn/đau đầu...

Tôi được bạn cho uống thuốc giảm sốt.

Anh bị thế nào mà đi khám?/Anh bị làm sao?

- Mẫu câu với các từ nên, không nên, cấm, đừng:

Tôi nên làm gì nếu tiếp tục đau như vậy?

Em không nên tự uống thuốc, nên đi gặp bác sĩ nếu thấy triệu chứng bất thường.

Em nên ăn đồ dễ tiêu, nhiều chất xơ, không nên uống rượu.

Cấm hút thuốc nhé.

- Mẫu câu: bao lâu rồi/ đã lâu chưa?

Anh bị đau bụng/buồn nôn/đau đầu... bao lâu rồi/đã lâu chưa?

Tương tự như vậy với một số mẫu câu khác: ngoài ra... còn; không những ... mà còn; đã... bao giờ chưa?/ đã... lần nào chưa?; nếu... thì; khi... thì;...

Bước 4: Xây dựng cảnh huống và đóng vai

Phần việc này nên thực hiện vào giờ thực hành trên lớp nhằm thay đổi không khí học tập căng thẳng. GV và LHS cùng chuẩn bị dụng cụ, xây dựng “phòng khám” tượng trưng lại lớp học. Cảnh huống đầu tiên được xây dựng mẫu. Còn tiếp theo cần tách nhóm cho LHS thảo luận và thỏa sức thể hiện sự sáng tạo. Cảnh huống sẽ thực hiện tốt hơn nếu có sự tham gia của sinh viên Việt Nam với vai trò trợ giảng. Thuận lợi đầu tiên của sự kết hợp này chính là sự gần gũi về lứa tuổi. Kế đó là sự sắm vai tươi mới kích thích hứng thú. Cuối cùng là sự học hỏi trực tiếp ngôn ngữ và cách xử lý tình huống từ chính người Việt. Giờ học sử dụng phương pháp này sẽ rất vui nhộn, hứng thú và sáng khoái bất ngờ. Quan trọng hơn, nó chính là tiền đề để LHS

có thể ứng xử tình huống khi ốm đau, khi đến bệnh viện. Điều kiện thực hiện phương pháp vô cùng đơn giản, dễ thực hiện. Đối tượng sinh viên có thể bắt đầu áp dụng sau khi học tiếng Việt được một tháng. Tuy nhiên, GV phải linh hoạt tùy tình hình để áp dụng các dạng thoại từ đơn giản đến phức tạp.

3.3.3.3. Đóng kịch

Đóng kịch thực chất là hoạt động đưa người học vào một cảnh huống ngôn ngữ. Tuy nhiên, khác với cảnh huống sáng lập hội thoại bên trên, cảnh huống ở đây có sẵn, người học vào vai, nhập vai, “diễn” theo kịch.

Đóng kịch được thực hiện theo các bước: giao văn bản (kịch); yêu cầu luyện đọc; đàm thoại về nội dung chủ đề; nhớ cốt truyện; phân vai; cùng đóng vai.

Yêu cầu luyện đọc nhiều lần là tất yếu. Việc đọc trong mọi nơi mọi lúc. Đọc nhuần đến đâu thì có thể tiếp tục các bước sau tốt đến đấy. Khâu đàm thoại quan trọng bởi bỏ qua nó thì không hiểu kỹ về chủ đề, không thể xác lập được rõ tính cách, hành động vai đóng. Phân vai nhằm tìm người phù hợp với nhân vật đóng vai. Phân vai cũng có thể được áp dụng với tinh thần xung phong, phát huy cao nhất sự hứng thú cũng như trách nhiệm với vai sẽ nhận. Khâu cuối chính là luyện tập. Ở đây, GV hoàn toàn là người cầm trịch hoạt động. Vai trò người kể chuyện (dẫn truyện/trần thuật) có thể là GV, nhưng nếu có nhân tố nổi trội trong đối tượng học, nên giao cho chính những nhân tố này đảm nhiệm.

Phương pháp này cũng gọi rất nhiều hứng thú. Tuy nhiên khá mất thời gian do LHS cần đọc, hiểu, thuộc văn bản. Hơn nữa, từ khâu thuộc văn bản đến “diễn” là một khoảng cách khá xa. Bởi vậy nên giao bài tập “đóng kịch” vào cuối tuần. Trong ngày nghỉ, LHS có thể tự đọc, tìm hiểu văn bản và trả lời các câu hỏi liên quan đến văn bản trước. Việc thực hành đóng kịch cần được hướng

dẫn trực tiếp. Nếu thông qua các câu lạc bộ sinh viên Việt, được thực hành tại các câu lạc bộ kiểu câu lạc bộ kỹ năng là tốt nhất.

4. Kết luận

Lý thuyết thiếu thực tiễn sẽ giống như nói không gắn với làm. Các phương pháp, giải pháp có ưu điểm hay không cần được đánh giá qua hiệu quả của việc áp dụng chính những phương pháp, giải pháp đó. Cần có định lượng cho hiệu quả dạy học thông qua các bài kiểm tra khảo sát và các nhóm học đối chứng. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên cũng là một động lực. Cũng nên nâng cấp đề thi theo định hướng tăng dần về độ khó (theo khung năng lực sáu bậc dành cho người nước ngoài học tiếng Việt của Bộ Giáo dục và Đào tạo) để kiểm soát năng lực và sự tiến bộ của LHS trong quá trình học tiếng Việt.

Dạy học tiếng Việt như một ngoại ngữ, cái đích cuối cùng của dạy học tiếng Việt chính là kỹ năng giao tiếp - đây chính là những chiêm nghiệm được rút ra từ thực tiễn giảng dạy. Chúng tôi cho rằng, không có một phương pháp nào là duy nhất dành cho việc giảng dạy nâng cao kỹ năng giao tiếp, nhưng có những

phương pháp cần được ưu tiên và tăng cường nhằm cải thiện và phát triển kỹ năng này. Ba nhóm giải pháp đề xuất trên nên được ứng dụng tích cực để thúc đẩy năng lực sáng tạo cũng như khả năng tiếp cận ngôn ngữ đích một cách nhanh nhất, khoa học nhất đối với các LHS nước ngoài. Hy vọng vấn đề này sẽ tiếp tục được bàn thảo, nhằm hướng tới đích đến trong việc dạy tiếng Việt cho người nước ngoài, không chỉ ở Trường Đại học Hùng Vương trên quê hương Đất Tổ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Lê Phương Nga (cb)(2015), Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học I, II, NXB Đại học Sư phạm.
- [2] Nguyễn Thị Thanh Truyền (2017), “Một vài phương pháp dạy nói tiếng Việt cho người nước ngoài”, Nghiên cứu giảng dạy văn học Việt Nam và Tiếng Việt – Những vấn đề lý luận và thực tiễn, NXB ĐHQG Hà Nội, 640-644.
- [3] Nguyễn Kim Yến (2017), “Sự tương tác giữa lời hỏi và lời đáp trong giao tiếp hội thoại và ứng dụng vào việc dạy tiếng”, Nghiên cứu giảng dạy văn học Việt Nam và Tiếng Việt – Những vấn đề lý luận và thực tiễn, NXB ĐHQG Hà Nội, 706-719.

SOLUTIONS FOR IMPROVING COMMUNICATION SKILLS FOR FOREIGN STUDENTS LEARNING VIETNAMESE

Nguyen Thi Thuy Hang, Dang Le Tuyet Trinh, Han Thi Thu Hien

Faculty of Social Sciences, Culture and Tourism

Hung Vuong University

SUMMARY

The biggest goal of teaching Vietnamese to foreigners is to teach learners to communicate well. Based on teaching perspectives towards communication, especially derived from the situation of teaching Vietnamese in communication of foreign students studying at Hung Vuong University, the article proposes some solutions to improve communication efficiency for learners of Vietnamese language with a view to promoting creative capacity as well as the ability to access the target language in the fastest and most scientific way for foreign students.

Keywords: *Vietnamese, solutions, communication, communication skills, foreign students.*